DANH SÁCH

Niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư thương mại xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng

(Kèm theo Thông báo số 14/TB-HĐBT,HT,TĐC ngày 11/11/2026 của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư)

STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Loại đất	Tờ BĐ TĐ & ĐV BS	Thửa số	Tổng diện tích thu hồi	Tổng DT NN đang sử dụng	Tỷ lệ đất NN bị thu hồi (%)	Số nhân khẩu TT SX NN	Số tháng được hỗ trợ ỔĐ	Số gạo hỗ trợ cho 1 tháng/	Bồi thường đất	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	Hỗ trợ ổn định chuyển đổi sản xuất	Hỗ trợ hộ nghèo và người có công	Tổng	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Lự, Bùi Văn Tuân, Bùi Văn Hùng, Bùi Thị Tuyết, Bùi Xuân Giang, Bùi Văn Trường	LUC	76	16	553,0	2.298	24,1	10	3	30	55.300.000	276.500.000	13.500.000	16.590.000		361.890.000	
2	Lê Huy Bão, Nguyễn Thị Xôi, Lê Huy Quý, Lê Thị Xuân, Lê Thi Thu, Lê Thi Thúy	LUC	76	62	855,0	1.125	76,0	12	12	30	85.500.000	427.500.000	64.800.000	25.650.000	20.000.000	623.450.000	
3	Lê Huy Dũng, Lê Thị Lâm, Lê Thị Loan, Lê Thị Phượng, Lê Thi Hương	LUC	76	57	325,0	1.881	17,3	8	3	30	32.500.000	162.500.000	10.800.000	9.750.000		215.550.000	
4	Lê Thị Ngân, Lê Huy Vui, Lương Thi Gái	LUC	76	93	263,0	1.229	21,4	4	3	30	26.300.000	131.500.000	5.400.000	7.890.000	20.000.000	191.090.000	
5	Lê Huy Phúc, Lê Thị Thắm, Lê Huy Hải, Lê Huy Toàn, Lê Thị Hồng	LUC	75	123	100,0	100	100,0	10	12	30	10.000.000	50.000.000	54.000.000	3.000.000		117.000.000	
6	Lê Huy Sáng, Đào Thị Lộc, Lê Huy Phú, Lê Thị Hà	LUC	76	60 + 84 + 94	1363,0	2.114	64,5	4	6	30	136.300.000	681.500.000	10.800.000	40.890.000		869.490.000	
7	Nguyễn Thị Kim Anh, Lê Thị Hải Yến	LUC	76	47 + 48	417,0	798	52,3	3	6	30	41.700.000	208.500.000	8.100.000	12.510.000		270.810.000	
8	Lê Thị Bé, Lê Trọng Huân, Hoàng Thi Hoat	LUC	76	100	265,0	1.076	24,6	5	3	30	26.500.000	132.500.000	6.750.000	7.950.000		173.700.000	
9	Lương Quang Hồng, Nguyễn Thị Tâm, Lương Quang Cảnh, Lương Quang Huy	LUC	76	54	308,0	1.055	29,2	4	3	30	30.800.000	154.000.000	5.400.000	9.240.000		199.440.000	
10	Lương Quang Minh, Lương Thi Quỳnh Mai	LUC	76	31 + 32 + 59	964,0	964	100,0	1	12	30	96.400.000	482.000.000	5.400.000	28.920.000		612.720.000	
11	Bù Đức Xã, Đào Thị Buôn, Hoàng Thị Thủy, Bùi Đức Lợi	LUC	75	218	80,0	740	10,8	8	3	30	8.000.000	40.000.000	10.800.000	2.400.000		61.200.000	
12	Lương Thị Thanh, Lê Huy Trung	LUC	76	46 + 61	587,0	776	75,6	5	12	30	58.700.000	293.500.000	27.000.000	17.610.000		396.810.000	
13	Lương Thị Ty, Nguyễn Thị Duyên, Nguyễn Thi Hải	LUC	76	90 + 102	1056,0	1.714	61,6	7	6	30	105.600.000	528.000.000	18.900.000	31.680.000		684.180.000	
14	Nguyễn Danh Hiền, Nguyễn Danh Hoàn, Nguyễn Thị Thảo, Nguyễn Thị Thắm, Nguyễn Thi Thu	LUC	76	56	344,0	1.284	26,8	5	3	30	34.400.000	172.000.000	6.750.000	10.320.000	20.000.000	243.470.000	
15	Lê Huy Hảo, Nguyễn Thị Tám, Lê Huy Dũng, Lê Thị Nhung	LUC	75	92	195,0	195	100,0	9	12	30	19.500.000	97.500.000	48.600.000	5.850.000		171.450.000	
16	Lê Huy Hùng, Lê Huy Hải, Lưu Thi Nha, Lê Thi Hà	LUC	75	189	120,0	120	100,0	9	12	30	12.000.000	60.000.000	48.600.000	3.600.000		124.200.000	
17	Lê Huy Ngà, Lê Huy Sỹ	LUC	75	108	120,0	120	100,0	5	12	30	12.000.000	60.000.000	27.000.000	3.600.000		102.600.000	
18	Lê Huy Thành, Lê Huy Thị, Lê Thị Hà	LUC	75	95	151,0	151	100,0	7	12	30	15.100.000	75.500.000	37.800.000	4.530.000		132.930.000	
19	Lê Huy Bằng, Lê Thị Xen, Lê Thi Diễm	LUC	75	164	211,0	211	100,0	4	12	30	21.100.000	105.500.000	21.600.000	6.330.000	20.000.000	174.530.000	
20	Lê Thị Bẩy, Nguyễn Huy Quý, Nguyễn Huy Quyền	LUC	75	61	90,0	90	100,0	4	12	30	9.000.000	45.000.000	21.600.000	2.700.000		78.300.000	
21	Nguyễn Thị Nhân, Trịnh Xuân Tuyến, Trịnh Thị Loan	LUC	75	171	90,0	90	100,0	3	12	30	9.000.000	45.000.000	16.200.000	2.700.000		72.900.000	
22	Lê Thị Thiệu, Nguyễn Thị Nguyệt, Nguyễn Thị Thoa, Nguyễn Đình Toản, Nguyễn Đình Toán	LUC	76	39	180,0	180	100,0	9	12	30	18.000.000	90.000.000	48.600.000	5.400.000		162.000.000	
23	Lương Thị Thùy, Lê Huy Chiến, Lê Huy Sinh	LUC	75	183	271,0	271	100,0	3	12	30	27.100.000	135.500.000	16.200.000	8.130.000		186.930.000	
24	Lê Văn Hải, Nguyễn Thị Thúy	LUC	75	155	90,0	90	100,0	6	12	30	9.000.000	45.000.000	32.400.000	2.700.000		89.100.000	
25	Lê Văn Hùng, Lê Thị Ngân, Lê Thi Yến	LUC	75	156	91,0	91	100,0	8	12	30	9.100.000	45.500.000	43.200.000	2.730.000		100.530.000	
26	Lương Thị Nhã, Lê Văn Bẩy, Lê Thi Năm, Lê Văn Tám	LUC	75 + 76	116 + 613	503,0	503	100,0	4	12	30	50.300.000	251.500.000	21.600.000	15.090.000		338.490.000	

27	Lê Văn Sửu, Lê Thị Thanh, Lê Thị Hồng, Lê Thị Hạnh, Lê Thị Hiền	LUC	75 + 76	90 + 614	549,0	549	100,0	5	12	30	54.900.000	274.500.000	27.000.000	16.470.000	372.870.000
28	Lương Đức Nga, Lương Đức Tuyến, Lương Thị Xoan, Hoàng Thị Lượng, Lương Thị Luyên	LUC	75	94	228,0	228	100,0	5	12	30	22.800.000	114.000.000	27.000.000	6.840.000	170.640.000
29	Lương Đức Chinh, Lê Thị Xâm, Lương Thị Hoan, Lương Thị Thắm, Lương Đức Toàn	LUC	75	186	151,0	151	100,0	5	12	30	15.100.000	75.500.000	27.000.000	4.530.000	122.130.000
30	Lương Đức Chương, Hoàng Thị Hưng, Lương Đức Chung, Lương Đức Kiên	LUC	75	98	121,0	121	100,0	4	12	30	12.100.000	60.500.000	21.600.000	3.630.000	97.830.000
31	Lương Đức Giòn, Nguyễn Thị Tám, Lương Thị Thủy, Lương Đức Tấn, Lương Thị Quyên, Lương Đức Quý	LUC	75	162	182,0	182	100,0	6	12	30	18.200.000	91.000.000	32.400.000	5.460.000	147.060.000
32	Lương Đức Khánh, Lương Đức Luật, Lương Đức Báo	LUC	75	109	150,0	150	100,0	6	12	30	15.000.000	75.000.000	32.400.000	4.500.000	126.900.000
33	Lương Đức Khoát, Vũ Thị Dùng	LUC	75	160	181,0	181	100,0	7	12	30	18.100.000	90.500.000	37.800.000	5.430.000	151.830.000
34	Lương Đức Quang, Nguyễn Thị Vinh, Lương Đức Hiển, Lương Thị Hằng	LUC	75	107	121,0	121	100,0	4	12	30	12.100.000	60.500.000	21.600.000	3.630.000	97.830.000
35	Trần Thị Luân	LUC	75	234	90,0	90	100,0	4	12	30	9.000.000	45.000.000	21.600.000	2.700.000	78.300.000
36	Lương Đức Tuấn, Nguyễn Thị Liên, Lương Đức Thuấn, Lương Đức Thuần, Lương Đức Thúy	LUC	75	170	182,0	182	100,0	8	12	30	18.200.000	91.000.000	43.200.000	5.460.000	157.860.000
37	Lương Đức Tấn	LUC	75	185	120,0	120	100,0	4	12	30	12.000.000	60.000.000	21.600.000	3.600.000	97.200.000
38	Nguyễn Văn Huân, Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Thị Thanh	LUC	75	105	120,0	120	100,0	7	12	30	12.000.000	60.000.000	37.800.000	3.600.000	113.400.000
39	Lương Thị Hiên, Nguyễn Huy Chiên, Nguyễn Huy Tuyến	LUC	76	42	416,0	416	100,0	3	12	30	41.600.000	208.000.000	16.200.000	12.480.000	278.280.000
40	Lương Thị Hiền, Nguyễn Mạnh Trường, Nguyễn Đình Tân	LUC	75	231	120,0	120	100,0	7	12	30	12.000.000	60.000.000	37.800.000	3.600.000	113.400.000
41	Lương Thị Trọng, Nguyễn Tá Kiên, Nguyễn Tá Cường, Nguyễn Thi Tuê	LUC	75	117	151,0	151	100,0	4	12	30	15.100.000	75.500.000	21.600.000	4.530.000	116.730.000
42	Mai Văn Thanh, Mai Văn Sơn, Lê Thị Hằng, Mai Thi Huyền	LUC	75	228	150,0	150	100,0	9	12	30	15.000.000	75.000.000	48.600.000	4.500.000	143.100.000
43	Nguyễn Danh Đạt, Lê Thị Nguyệt, Nguyễn Danh Toàn, Nguyễn Thi Dinh	LUC	75	173	120,0	120	100,0	8	12	30	12.000.000	60.000.000	43.200.000	3.600.000	118.800.000
44	Lương Thị Lành, Nguyễn Danh Trung, Nguyễn Danh Kiên	LUC	75	239	120,0	120	100,0	6	12	30	12.000.000	60.000.000	32.400.000	3.600.000	108.000.000
45	Nguyễn Thị Tiềm, Nguyễn Danh Kha, Nguyễn Danh Thanh	LUC	75	112	90,0	90	100,0	6	12	30	9.000.000	45.000.000	32.400.000	2.700.000	89.100.000
46	Nguyễn Danh Nơi, Nguyễn Danh Lợi, Nguyễn Thị Hợp	LUC	75	118	150,0	150	100,0	6	12	30	15.000.000	75.000.000	32.400.000	4.500.000	126.900.000
47	Nguyễn Danh Hùng, Nguyễn Danh Phùng	LUC	75	236	120,0	120	100,0	4	12	30	12.000.000	60.000.000	21.600.000	3.600.000	97.200.000
48	Nguyễn Danh Dự, Nguyễn Thị Tinh, Nguyễn Danh Định, Nguyễn Thi Tươi	LUC	75	121	193,0	193	100,0	8	12	30	19.300.000	96.500.000	43.200.000	5.790.000	164.790.000
49	Nguyễn Đình Núi, Nguyễn Thị San, Nguyễn Thi Xoan	LUC	75	100	90,0	90	100,0	6	12	30	9.000.000	45.000.000	32.400.000	2.700.000	89.100.000
50	Nguyễn Huy Chiếu, Trần Thị Nhẹ, Nguyễn Thị Thanh, Nguyễn Thị Thủy, Nguyễn Thị Thảo	LUC	75	190	150,0	150	100,0	5	12	30	15.000.000	75.000.000	27.000.000	4.500.000	121.500.000
51	Phạm Thị Út, Nguyễn Huy Vân, Nguyễn Huy My, Nguyễn Thi Hiền, Nguyễn Thi Dung	LUC	75	182	181,0	181	100,0	5	12	30	18.100.000	90.500.000	27.000.000	5.430.000	141.030.000
52	Nguyễn Huy Hùng, Nguyễn Thi Hường	LUC	76	37	145,0	145	100,0	6	12	30	14.500.000	72.500.000	32.400.000	4.350.000	123.750.000

53	Nguyễn Huy Kiệm, Nguyễn Huy Cường, Nguyễn Huy Vương	LUC	75	178	150,0	150	100,0	3	12	30	15.000.000	75.000.000	16.200.000	4.500.000		110.700.000
54	Nguyễn Huy Thường, Nguyễn Huy Mạnh	LUC	75	168	120,0	120	100,0	5	12	30	12.000.000	60.000.000	27.000.000	3.600.000		102.600.000
55	Nguyễn Huy Phi, Ninh Thị Đức, Nguyễn Huy Thuấn, Nguyễn Thi Thảo	LUC	75	104	121,0	121	100,0	4	12	30	12.100.000	60.500.000	21.600.000	3.630.000		97.830.000
56	Nguyễn Huy Cường, Nguyễn Huy Đông	LUC	75	93	121,0	121	100,0	4	12	30	12.100.000	60.500.000	21.600.000	3.630.000		97.830.000
57	Nguyễn Thị Giàng, Nguyễn Thị Pha	LUC	76	40	90,0	90	100,0	3	12	30	9.000.000	45.000.000	16.200.000	2.700.000		72.900.000
58	Nguyễn Huy Vần, Nguyễn Huy Tuấn, Nguyễn Huy Điền, Nguyễn Huy Nam, Nguyễn Thi Thế, Nguyễn Thi Thời	LUC	75	110	241,0	241	100,0	9	12	30	24.100.000	120.500.000	48.600.000	7.230.000	20.000.000	220.430.000
59	Nguyễn Năng Bình, Nguyễn Năng Hưng, Nguyễn Thị Hằng, Nguyễn Thị Thu, Nguyễn Thi Hương	LUC	76	77 + 615	642,0	642	100,0	5	12	30	64.200.000	321.000.000	27.000.000	19.260.000	20.000.000	451.460.000
60	Nguyễn Năng Tình, Nguyễn Năng Trường, Nguyễn Năng Dũng, Lương Thi Đậu	LUC	76	97	120,0	120	100,0	6	12	30	12.000.000	60.000.000	32.400.000	3.600.000		108.000.000
61	Nguyễn Tá An, Lê Thị Vường, Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Tá Hải, Nguyễn Thị Chung, Nguyễn Thi Hâu	LUC	75	243	180,0	180	100,0	7	12	30	18.000.000	90.000.000	37.800.000	5.400.000		151.200.000
62	Nguyễn Tá Sơn, Nguyễn Thị Hiển, Nguyễn Tá Sáng, Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Thi Tươi, Nguyễn Huy Hà	LUC	75	158	240,0	240	100,0	8	12	30	24.000.000	120.000.000	43.200.000	7.200.000		194.400.000
63	Mai Thị Dần, Nguyễn Tá Toản, Nguyễn Tá Tuấn	LUC	75	96	120,0	120	100,0	8	12	30	12.000.000	60.000.000	43.200.000	3.600.000		118.800.000
64	Nguyễn Thị Cẩm, Nguyễn Thị Hải, Nguyễn Danh Cường, Nguyễn Thị Lụa, Nguyễn Thị Cúc	LUC	75	106	180,0	180	100,0	7	12	30	18.000.000	90.000.000	37.800.000	5.400.000		151.200.000
65	Nguyễn Thị Công, Nguyễn Trọng Mạnh, Nguyễn Thị Trang	LUC	75	184	90,0	90	100,0	7	12	30	9.000.000	45.000.000	37.800.000	2.700.000		94.500.000
66	Vũ Thị Hiền, Nguyễn Thị Lảo	LUC	75	163	91,0	91	100,0	2	12	30	9.100.000	45.500.000	10.800.000	2.730.000		68.130.000
67	Nguyễn Thị Ly, Nguyễn Đình Non, Nguyễn Thị Hoa	LUC	75	174	120,0	120	100,0	6	12	30	12.000.000	60.000.000	32.400.000	3.600.000		108.000.000
68	Nguyễn Thị Ngọ, Lương Công Sách, Lương Công Thắng,	LUC	75	242	90,0	90	100,0	8	12	30	9.000.000	45.000.000	43.200.000	2.700.000		99.900.000
69	Nguyễn Thị Đông, Phạm Quang Kiên	LUC	75	161	121,0	121	100,0	5	12	30	12.100.000	60.500.000	27.000.000	3.630.000		103.230.000
70	Nguyễn Thị Phụ, Nguyễn Huy Phú, Nguyễn Thị Xuyến	LUC	75	102	150,0	150	100,0	6	12	30	15.000.000	75.000.000	32.400.000	4.500.000		126.900.000
71	Lê Thị Thoát, Nguyễn Văn Thiêm, Lê Thị Minh, Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Thị Ngọc, Lê Thị Lan, Lê Thị Toan, Lê Thị Xoan, Lê Thị Loan, Lê Thị Phương	LUC	76	98	384,0	384	100,0	9	12	30	38.400.000	192.000.000	48.600.000	11.520.000	20.000.000	310.520.000
72	Lê Thị Mai	LUC	75	176	150,0	150	100,0	1	12	30	15.000.000	75.000.000	5.400.000	4.500.000		99.900.000
73	Nguyễn Thị Vượng, Lương Đức Biên, Lương Đức Thiện	LUC	75	97	120,0	120	100,0	3	12	30	12.000.000	60.000.000	16.200.000	3.600.000		91.800.000
74	Nguyễn Thị Xuất, Nguyễn Thị Xinh	LUC	75	113	60,0	60	100,0	2	12	30	6.000.000	30.000.000	10.800.000	1.800.000		48.600.000
75	Nguyễn Thị Yên, Nguyễn Huy Luân, Nguyễn Thị Lý, Nguyễn Thị Thà, Nguyễn Thị Thúy, Vũ Thi Sâm	LUC	75 + 76	191 + 96	519,0	519	100,0	6	12	30	51.900.000	259.500.000	32.400.000	15.570.000		359.370.000
76	Nguyễn Văn Bích, Nguyễn Văn Toản, Nguyễn Văn Điệp, Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Thị Hiệp, Nguyễn Thi Hà	LUC	75	180	180,0	180	100,0	6	12	30	18.000.000	90.000.000	32.400.000	5.400.000		145.800.000

77	Nguyễn Văn Công, Nguyễn Thị Quyên, Nguyễn Thị Ngân, Nguyễn Thị Thuân	LUC	75	230	150,0	150	100,0	9	12	30	15.000.000	75.000.000	48.600.000	4.500.000		143.100.000
78	Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Thị Gỏng, Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Văn Hồng	LUC	75	235	150,0	150	100,0	4	12	30	15.000.000	75.000.000	21.600.000	4.500.000		116.100.000
79	Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Thị Lý, Nguyễn Thị Huế, Nguyễn Văn Đại, Nguyễn Thị Tuyết, Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Nguyễn Văn Hoan	LUC	75	166 + 114	240,0	240	100,0	10	12	30	24.000.000	120.000.000	54.000.000	7.200.000		205.200.000
80	Nguyễn Văn Hậu, Lê Thị Bằng, Nguyễn Thị Dịu, Nguyễn Văn Phương, Nguyễn Văn Thêm	LUC	75	167	151,0	151	100,0	8	12	30	15.100.000	75.500.000	43.200.000	4.530.000		138.330.000
81	Nguyễn Văn Đại, Nguyễn Thị Hưng	LUC	75	89	120,0	120	100,0	7	12	30	12.000.000	60.000.000	37.800.000	3.600.000		113.400.000
82	Hoàng Thị Yến, Nguyễn Huy Định, Nguyễn Huy Quyết	LUC	76	71	121,0	121	100,0	5	12	30	12.100.000	60.500.000	27.000.000	3.630.000		103.230.000
83	Lương Thị Thơm, Nguyễn Huy Tuyến, Nguyễn Huy Bắc, Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thị Dinh	LUC	76	35	151,0	151	100,0	7	12	30	15.100.000	75.500.000	37.800.000	4.530.000		132.930.000
84	Vũ Thị Tẹo, Nguyễn Thị Lộc, Nguyễn Văn Phúc, Nguyễn Văn Thọ (Thanh)	LUC	75	159	150,0	150	100,0	7	12	30	15.000.000	75.000.000	37.800.000	4.500.000		132.300.000
85	Nguyễn Thị Sinh, Lê Huy Sơn, Lê Huy Tùng	LUC	75	99	90,0	90	100,0	6	12	30	9.000.000	45.000.000	32.400.000	2.700.000		89.100.000
86	Lương Thị Thoán, Nguyễn Huy Tỏ, Nguyễn Thị Huyền	LUC	75	187	90,0	90	100,0	5	12	30	9.000.000	45.000.000	27.000.000	2.700.000		83.700.000
87	Lê Văn Thiều, Lê Thị Giới, Lê Thị Duyên, Lê Thị Diu	LUC	76	99	295,0	295	100,0	5	12	30	29.500.000	147.500.000	27.000.000	8.850.000		212.850.000
88	Lê Thị Thư, Lương Thị Thúy, Lương Công Dũng, Lương Công Trung	LUC	75	241	174,0	174	100,0	7	12	30	17.400.000	87.000.000	37.800.000	5.220.000		147.420.000
89	Nguyễn Danh Đỗ, Nguyễn Thị Đức, Nguyễn Danh Bắc, Nguyễn Danh Nam	LUC	75	181	242,0	242	100,0	8	12	30	24.200.000	121.000.000	43.200.000	7.260.000	20.000.000	215.660.000
90	Lê Huy Thế, Nguyễn Thị Tới, Lê Huy Toàn, Lê Thị Thao	LUC	75	521	120,0	120	100,0	8	12	30	12.000.000	60.000.000	43.200.000	3.600.000		118.800.000
91	Nguyễn Danh Lợi, Vũ Thị Điệu, Nguyễn Thị Hương	LUC	75	154	90,0	90	100,0	5	12	30	9.000.000	45.000.000	27.000.000	2.700.000		83.700.000
92	Lương Thị Phương, Nguyễn Thị Phượng, Nguyễn Đình Chiến, Nguyễn Đình Tân	LUC	75	115	120,0	120	100,0	7	12	30	12.000.000	60.000.000	37.800.000	3.600.000		113.400.000
93	Nguyễn Huy Bát, Nguyễn Thị Băng, Nguyễn Huy Hiệp, Nguyễn Tiến Mạnh	LUC	75	177	242,0	242	100,0	5	12	30	24.200.000	121.000.000	27.000.000	7.260.000		179.460.000
94	Nguyễn Huy Phương, Nguyễn Huy Ngọc, Nguyễn Huy Tuân	LUC	75	60	151,0	151	100,0	6	12	30	15.100.000	75.500.000	32.400.000	4.530.000		127.530.000
95	Lê Văn Liễu, Nguyễn Thị Oanh, Lê Thị Thúy, Lê Văn Sơn, Lê Thi Hà	LUC	75	169	150,0	150	100,0	8	12	30	15.000.000	75.000.000	43.200.000	4.500.000		137.700.000
96	Phạm Thị Sáo, Nguyễn Danh Khá, Nguyễn Danh Xá, Phạm Thi Lợi	LUC	75	179	120,0	120	100,0	8	12	30	12.000.000	60.000.000	43.200.000	3.600.000		118.800.000
97	Lê Huy Thái, Lê Thị Xuân, Bùi Thị Xoan, Lê Huy Thành, Lê Huy Thắng	LUC	75	223	105,0	105	100,0	5	12	30	10.500.000	52.500.000	27.000.000	3.150.000		93.150.000
98	Lương Công Tuấn, Bùi Thị Kỳ, Lương Thị Huệ	LUC	75	19 + 39	280,0	280	100,0	6	12	30	28.000.000	140.000.000	32.400.000	8.400.000		208.800.000
99	Lê Thị Ngoan, Lương Thị Diễm My	LUC	75	201	60,0	60	100,0	5	12	30	6.000.000	30.000.000	27.000.000	1.800.000		64.800.000
100	Lương Đức An, Lê Thị Nga, Lương Thị Huệ, Lương Thị Linh	LUC	75	45	120,0	252	47,6	5	6	30	12.000.000	60.000.000	13.500.000	3.600.000		89.100.000
101	Lương Đức Phận, Lương Đức Hoàn, Lương Đức Hảo, Lương Đức Hiến, Lê Thị Minh	LUC	75	74	100,0	100	30,5	8	6	30	10.000.000	50.000.000	21.600.000	3.000.000		84.600.000

102	Lương Đức Sơn, Phạm Thị Thoan, Nguyễn Thị Tố, Lương Thi Hòa	LUC	75	224	160,0	160	100,0	3	12	30	16.000.000	80.000.000	16.200.000	4.800.000		117.000.000
103	Lương Đức Úc, Lê Thị Luyến	LUC	75	217	58,0	58	100,0	3	12	30	5.800.000	29.000.000	16.200.000	1.740.000		52.740.000
104	Nguyễn Danh Hà, Ứng Thị Chuộng, Nguyễn Danh Phong, Nguyễn Thi Như	LUC	75	250	80,0	320	25,0	5	3	30	8.000.000	40.000.000	6.750.000	2.400.000		57.150.000
105	Nguyễn Thị Điểm	LUC	75	149	80,0	80	100,0	4	12	30	8.000.000	40.000.000	21.600.000	2.400.000		72.000.000
106	Lê Thị Hường, Nguyễn Danh Điểm	LUC	75	20 + 80	300,0	300	100,0	7	12	30	30.000.000	150.000.000	37.800.000	9.000.000		226.800.000
107	Nguyễn Danh Tuyên, Nguyễn Danh Đức, Lê Thị Chút, Nguyễn Danh Bình	LUC	75	220	80,0	80	100,0	5	12	30	8.000.000	40.000.000	27.000.000	2.400.000		77.400.000
108	Nguyễn Thị Cần, Lương Đức Hồng, Lương Đức Duy, Lương Đức Duẫn, Lương Đức Tuân	LUC	75	146	100,0	100	100,0	5	12	30	10.000.000	50.000.000	27.000.000	3.000.000		90.000.000
109	Nguyễn Xuân Linh, Nguyễn Thị Tuyết, Nguyễn Thị Duyên, Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thị Huê, Nguyễn Thi Hường	LUC	75	17 + 147	340,0	340	100,0	8	12	30	34.000.000	170.000.000	43.200.000	10.200.000		257.400.000
110	Nguyễn Xuân Tình, Lê Thị Phương, Nguyễn Xuân Thiệp, Nguyễn Thi Quỳnh	LUC	75	67	120,0	120	100,0	5	12	30	12.000.000	60.000.000	27.000.000	3.600.000		102.600.000
111	Nguyễn Thị Thìn	LUC	75	242	60,0	61	98,4	1	12	30	6.000.000	30.000.000	5.400.000	1.800.000		43.200.000
112	Nguyễn Văn Huỳnh, Đặng Thị Phán, Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Văn Long	LUC	75	72	80,0	140	57,1	4	6	30	8.000.000	40.000.000	10.800.000	2.400.000		61.200.000
113	Đào Duy Tuy, Nguyễn Thị Miên, Đào Thị Toan, Đào Duy Dũng, Đào Thi Lan	LUC	75	26	100,0	352	28,4	6	3	30	10.000.000	50.000.000	8.100.000	3.000.000		71.100.000
114	Đào Duy Túy, Lương Thị Xoan, Đào Thị Hiền, Đào Thị Hằng	LUC	75	128	80,0	560	14,3	5	3	30	8.000.000	40.000.000	6.750.000	2.400.000		57.150.000
115	Đào Duy Tùy, Nguyễn Thị Cường, Đào Duy Phong, Đào Thi Hạnh	LUC	75	195	100,0	712	14,0	6	3	30	10.000.000	50.000.000	8.100.000	3.000.000		71.100.000
116	Nguyễn Danh Thọ	LUC	75	135	40,0	40	100,0	5	12	30	4.000.000	20.000.000	27.000.000	1.200.000		52.200.000
117	Lê Huy Châm, Nguyễn Thị Hằng, Lê Thi Minh	LUC	75	219	60,0	60	100,0	4	12	30	6.000.000	30.000.000	21.600.000	1.800.000		59.400.000
118	Lê Huy Việt, Lương Thị Hạnh	LUC	75	298	40,0	40	100,0	3	12	30	4.000.000	20.000.000	16.200.000	1.200.000		41.400.000
119	Lê Thị Ái, Nguyễn Thị Thoan, Nguyễn Thị Loan, Nguyễn Danh Trường	LUC	75	88	80,0	212	37,7	4	6	30	8.000.000	40.000.000	10.800.000	2.400.000		61.200.000
120	Lương Đức Mười, Lương Đức Nhinh, Lương Đức Hạnh, Lương Thi Nhung	LUC	75	18 + 198	300,0	300	100,0	8	12	30	30.000.000	150.000.000	43.200.000	9.000.000		232.200.000
121	Lương Đức Thúy, Lương Thị Thêu, Lương Thị Huê	LUC	75	50	80,0	80	100,0	5	12	30	8.000.000	40.000.000	27.000.000	2.400.000		77.400.000
122	Lê Thị Liễu, Nguyễn Huy Toán, Nguyễn Thị Ngọc, Nguyễn Thị Oanh, Nguyễn Thị Thanh, Nguyễn Thi Thủy	LUC	75	34	120,0	480	25,0	6	3	30	12.000.000	60.000.000	8.100.000	3.600.000		83.700.000
123	Lương Đức Khanh, Trịnh Thị Mơ, Lương Thị Duyên, Lương Thi Thảo	LUC	75	78	100,0	100	100,0	4	12	30	10.000.000	50.000.000	21.600.000	3.000.000		84.600.000
124	Bùi Thị Côn, Lê Thị Sâm, Hoàng Điền Giáp, Hoàng Điền Dưỡng, Hoàng Thị Dung	LUC	75	70	100,0	700	14,3	5	3	30	10.000.000	50.000.000	6.750.000	3.000.000		69.750.000
125	Lê Thị Uông, Lương Thị Thu Hiền	LUC	75	44	40,0	40	100,0	1	12	30	4.000.000	20.000.000	5.400.000	1.200.000		30.600.000
126	Lê Văn Chung, Nguyễn Thị Hà, Lê Văn Tân	LUC	75	126	60,0	420	14,3	5	3	30	6.000.000	30.000.000	6.750.000	1.800.000		44.550.000
127	Lê Văn Xuyến, Phạm Thị Thuý, Lê Thị Hằng, Lê Thị Thuận, Lê Thi Tâm	LUC	75	225	100,0	100	100,0	8	12	30	10.000.000	50.000.000	43.200.000	3.000.000		106.200.000
128	Lê Thị Bích, Lương Công Trình, Lương Thị Thái, Lương Thi Ngọc, Lương Công Thực	LUC	75	16 + 129	320,0	842	38,0	9	6	30	32.000.000	160.000.000	24.300.000	9.600.000	20.000.000	245.900.000

129	Lương Công Hoan, Lê Thị Lành, Lương Công Hưng, Lương Thi Hà, Lương Thi Hiền	LUC	75	71	100,0	388	25,8	6	3	30	10.000.000	50.000.000	8.100.000	3.000.000		71.100.000
130	Lương Công Lang, Lê Thị Bé, Lương Công Kiên, Lương Công Mạnh, Lương Thị Nhung, Lương Thi Nữ	LUC	75	37	120,0	204	58,8	9	6	30	12.000.000	60.000.000	24.300.000	3.600.000		99.900.000
131	Lương Công Lợi, Nguyễn Thị Thủy, Lương Công Tùng	LUC	75	82	60,0	60	100,0	6	12	30	6.000.000	30.000.000	32.400.000	1.800.000		70.200.000
132	Lương Công Mãi, Nguyễn Thị Châm, Lương Công Thắng, Lương Công Toàn	LUC	75	148	100,0	892	11,2	4	3	30	10.000.000	50.000.000	5.400.000	3.000.000		68.400.000
133	Đào Thị Lụa, Lương Công Tấn, Lương Công Tiệp, Lương Thị Yên, Lương Thi Luyến	LUC	75	68	100,0	100	100,0	5	12	30	10.000.000	50.000.000	27.000.000	3.000.000		90.000.000
134	Lương Đức Bí, Lê Thị Thủy, Lương Thị Lan, Lương Thị Phương	LUC	75	52	80,0	80	100,0	5	12	30	8.000.000	40.000.000	27.000.000	2.400.000		77.400.000
135	Lương Đức Bình, Lương Thị Luyến, Lương Thị Hồng, Lương Đức Minh, Lương Thị Lương	LUC	75	83	120,0	120	100,0	7	12	30	12.000.000	60.000.000	37.800.000	3.600.000		113.400.000
136	Lương Đức Chuyên, Trịnh Thị Nghị, Lương Thị Lan, Lương Đức Định, Lương Thị Nguyệt, Lương Thi Nga	LUC	75	54	120,0	480	25,0	6	3	30	12.000.000	60.000.000	8.100.000	3.600.000		83.700.000
137	Lương Thị Hà, Lương Thị Sơn	LUC	75	213	80,0	200	40,0	6	6	30	8.000.000	40.000.000	16.200.000	2.400.000		66.600.000
138	Lương Đức Mạnh, Lương Thị Ngân, Lương Thị Vân, Lương Thi Liên	LUC	75	216	100,0	280	35,7	9	6	30	10.000.000	50.000.000	24.300.000	3.000.000		87.300.000
139	Lê Thị Tuyết (Bé), Lương Đức Đông, Lương Đức Nghị, Lương Đức Lực	LUC	75	43	80,0	814,0	9,8	4	3	30	8.000.000	40.000.000	5.400.000	2.400.000		55.800.000
140	Lương Đức Hòa, Lương Thị Dịu, Lương Thị Trang	LUC	75	258	96	636	15,1	6	3	30	9.600.000	48.000.000	8.100.000	2.880.000		68.580.000
141	Lê Thị Thanh, Lương Thị Hương, Lương Thị Ngát, Lương Thị Nguyệt, Lương Đức Hoạt	LUC	75	204	100,0	688	14,5	5	3	30	10.000.000	50.000.000	6.750.000	3.000.000		69.750.000
142	Lương Đức Huân, Đỗ Thị Kim, Lương Thị Đào, Lương Thị Hoa	LUC	75	42	80,0	80	100,0	5	12	30	8.000.000	40.000.000	27.000.000	2.400.000		77.400.000
143	Lương Đức Hải, Lê Thị Tài, Lương Đức Bắc, Lương Thị Yến	LUC	75	56	160,0	160	100,0	8	12	30	16.000.000	80.000.000	43.200.000	4.800.000		144.000.000
144	Lương Đức Lục, Lương Thị Lý, Lương Đức Tuấn	LUC	75	130	60,0	60	100,0	4	12	30	6.000.000	30.000.000	21.600.000	1.800.000		59.400.000
145	LươngThị Ngân, Lương Thị Thủy, Lương Đức Hùng	LUC	75	125	80,0	80	100,0	5	12	30	8.000.000	40.000.000	27.000.000	2.400.000		77.400.000
146	Lương Thị Huê, Lương Đức Nguyên, Lương Thị Hiền, Lương Thi Trang	LUC	75	79	80,0	560	14,3	5	3	30	8.000.000	40.000.000	6.750.000	2.400.000		57.150.000
147	Lê Thị Xoan, Lương Thị Thuận	LUC	75	202	40,0	40	100,0	4	12	30	4.000.000	20.000.000	21.600.000	1.200.000		46.800.000
148	Mai Thị Ánh, Lương Đức Thái, Lương Thị Thư, Lương Thị Ngọc	LUC	75	77	100,0	820	12,2	4	3	30	10.000.000	50.000.000	5.400.000	3.000.000		68.400.000
149	Lương Đức Nam, Lương Thị Phương	LUC	75	214	80,0	320	25,0	5	3	30	8.000.000	40.000.000	6.750.000	2.400.000		57.150.000
150	Lương Đức Vui, Lê Thị Vịnh, Lương Đức Hưng, Lương Thị Huê, Lương Thi Thông	LUC	75	196	100,0	538	18,6	6	3	30	10.000.000	50.000.000	8.100.000	3.000.000		71.100.000
151	Lương Thị Hạt, Hà Đức Bốn	LUC	75	40	40,0	40	100,0	2	12	30	4.000.000	20.000.000	10.800.000	1.200.000		36.000.000
152	Lương Thị Hợi, Lê Văn Thưởng	LUC	75	15 + 55	260,0	452	57,5	5	6	30	26.000.000	130.000.000	13.500.000	7.800.000	20.000.000	197.300.000
153	Lương Thị Loan, Lương Thị Thúy	LUC	75	193	40,0	40	100,0	2	12	30	4.000.000	20.000.000	10.800.000	1.200.000		36.000.000
154	Lương Thị Ngần, Nguyễn Huy Dự, Nguyễn Huy Định, Nguyễn Thi Dung	LUC	75	192	80,0	320	25,0	7	3	30	8.000.000	40.000.000	9.450.000	2.400.000		59.850.000

155	Lương Thị Ngoan, Lương Đức Hải, Lương Đức Nam, Lương Thi Yến	LUC	75	75	80,0	80	100,0	7	12	30	8.000.000	40.000.000	37.800.000	2.400.000	88.200.000
156	Lương Thị Thắm, Nguyễn Thị Thúy, Nguyễn Thi Loan	LUC	75	212	60,0	60	100,0	4	12	30	6.000.000	30.000.000	21.600.000	1.800.000	59.400.000
157	Lương Thị Thể, Nguyễn Văn Tiến	LUC	75	247	80,0	204	39,2	5	6	30	8.000.000	40.000.000	13.500.000	2.400.000	63.900.000
158	Nguyễn Thị Diệu Thúy, Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Đình Vinh	LUC	75	84	100,0	100	100,0	7	12	30	10.000.000	50.000.000	37.800.000	3.000.000	100.800.000
159	Nguyễn Danh Hải, Hoàng Thị Hà, Nguyễn Thị Hồng	LUC	75	38	60,0	60	100,0	4	12	30	6.000.000	30.000.000	21.600.000	1.800.000	59.400.000
160	Nguyễn Danh Hạnh, Lương Thi Vân, Nguyễn Danh Hùng	LUC	75	132	60,0	276	21,7	7	3	30	6.000.000	30.000.000	9.450.000	1.800.000	47.250.000
161	Nguyễn Danh Quang, Vũ Thị Tho	LUC	75	58	80,0	256	31,3	2	6	30	8.000.000	40.000.000	5.400.000	2.400.000	55.800.000
162	Lê Thị Hồng, Nguyễn Danh Sơn	LUC	75	297	60,0	60	100,0	3	12	30	6.000.000	30.000.000	16.200.000	1.800.000	54.000.000
163	Nguyễn Danh Toàn, Nguyễn Thị Bình, Nguyễn Danh Tân	LUC	75	136	60,0	276	21,7	4	3	30	6.000.000	30.000.000	5.400.000	1.800.000	43.200.000
164	Nguyễn Thị Lương, Nguyễn Danh Chiến, Nguyễn Danh Thắng	LUC	75	124	80,0	560	14,3	3	3	30	8.000.000	40.000.000	4.050.000	2.400.000	54.450.000
165	Nguyễn Danh Tuyền, Nguyễn Thi Lợi, Nguyễn Danh Tuyến	LUC	75	197	80,0	80	100,0	3	12	30	8.000.000	40.000.000	16.200.000	2.400.000	66.600.000
166	Nguyễn Danh Vũ, Lê Thị Dinh, Nguyễn Thị Yến, Nguyễn Thị Quyên, Nguyễn Danh Kiên	LUC	75	133	100,0	232	43,1	5	6	30	10.000.000	50.000.000	13.500.000	3.000.000	76.500.000
167	Nguyễn Thị Đón, Nguyễn Thị Nhi, Nguyễn Thị Minh, Nguyễn Đình Thanh, Nguyễn Đình Hoc, Nguyễn Thi Đương	LUC	75	51	120,0	396	30,3	10	6	30	12.000.000	60.000.000	27.000.000	3.600.000	102.600.000
168	Nguyễn Đình Mạnh, Nguyễn Thi Mai	LUC	75	203	40,0	256	15,6	4	3	30	4.000.000	20.000.000	5.400.000	1.200.000	30.600.000
169	Nguyễn Huy Tứ (Duyền), Nguyễn Thị Tắp, Nguyễn Huy Dũng	LUC	75	35	60,0	60	100,0	6	12	30	6.000.000	30.000.000	32.400.000	1.800.000	70.200.000
170	Nguyễn Huy Hiền, Lương Thị Bính, Nguyễn Thi Bích	LUC	75	36	60,0	240	25,0	4	3	30	6.000.000	30.000.000	5.400.000	1.800.000	43.200.000
171	Nguyễn Huy Nghĩa, Nguyễn Huy Giang, Nguyễn Thị Hương	LUC	75	249	80,0	80	100,0	3	12	30	8.000.000	40.000.000	16.200.000	2.400.000	66.600.000
172	Nguyễn Huy Núi, Lê Thị Tiền, Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Huy Tiệp	LUC	75 + 76	206 + 73	320,0	320	100,0	8	12	30	32.000.000	160.000.000	43.200.000	9.600.000	244.800.000
173	Nguyễn Huy Quang, Trần Thị Hải, Nguyễn Huy Cảnh, Nguyễn Thi Yến	LUC	75	24	80	80	100,0	6	12	30	8.000.000	40.000.000	32.400.000	2.400.000	82.800.000
174	Nguyễn Huy Tuấn, Nguyễn Thị Tươi	LUC	75	248	120	120	100,0	4	12	30	12.000.000	60.000.000	21.600.000	3.600.000	97.200.000
175	NguyễnThị Tươi, Nguyễn Huy Hồng	LUC	75	153	95	95	100,0	6	12	30	9.500.000	47.500.000	32.400.000	2.850.000	92.250.000
176	Nguyễn Quốc Dũng, Nguyễn Thi Hạnh	LUC	75	85	60	60	100,0	6	12	30	6.000.000	30.000.000	32.400.000	1.800.000	70.200.000
177	Nguyễn Huy Hiếu, Nguyễn Thị Hưởng, Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Thi Hương	LUC	75	221	100	220	45,5	7	6	30	10.000.000	50.000.000	18.900.000	3.000.000	81.900.000
178	Nguyễn Thị Hải, Nguyễn Đình Thạo, Nguyễn Đình Thảo, Nguyễn Thi Hà	LUC	75	199	100	184	54,3	6	6	30	10.000.000	50.000.000	16.200.000	3.000.000	79.200.000
179	Nguyễn Thị Láng, Lương Đức Hùng, Lương Thị Quyên, Lương Thi Viên	LUC	75	22 + 73	320	320	100,0	5	12	30	32.000.000	160.000.000	27.000.000	9.600.000	228.600.000
180	Nguyễn Thị Miền, Lê Huy Đoàn, Lê Huy Hưng, Lê Huy Nam	LUC	75	137	90	90	100,0	5	12	30	9.000.000	45.000.000	27.000.000	2.700.000	83.700.000
181	Nguyễn Thị Phố, Lương Đức Hùng, Lương Đức Toàn, Lương Thi Hạnh	LUC	75	215	80	272	29,4	7	3	30	8.000.000	40.000.000	9.450.000	2.400.000	59.850.000

182	Nguyễn Thị Quất, Nguyễn Đình Hùng, Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Đình Hạnh	LUC	75	25 + 74	280	616	45,5	4	6	30	28.000.000	140.000.000	10.800.000	8.400.000	187.200.000
183	Nguyễn Thị Sen, Lương Công Quang, Lương Công Bằng, Lương Thị Ánh	LUC	75	76	100	100	100,0	7	12	30	10.000.000	50.000.000	37.800.000	3.000.000	100.800.000
184	Nguyễn Thị Tẻo, Nguyễn Tá Hùng, Nguyễn Tá Cường	LUC	75	53	60	60	100,0	3	12	30	6.000.000	30.000.000	16.200.000	1.800.000	54.000.000
185	Nguyễn Thị Thục	LUC	75	47	40	40	100,0	3	12	30	4.000.000	20.000.000	16.200.000	1.200.000	41.400.000
186	Nguyễn Thị Tiền, Nguyễn Đình Tân, Nguyễn Đình Tuấn, Nguyễn Đình Trường, Nguyễn Thị Hường	LUC	75	194	100	1056	9,5	5	3	30	10.000.000	50.000.000	6.750.000	3.000.000	69.750.000
187	Lương Đức Thành (Nhíu), Lương Đức Dũng	LUC	75	41	100	100	100,0	5	12	30	10.000.000	50.000.000	27.000.000	3.000.000	90.000.000
188	Lương Đức Thìn	LUC	75	246	40	268	14,9	3	3	30	4.000.000	20.000.000	4.050.000	1.200.000	29.250.000
189	Lương Thị Miền, Nguyễn Trọng Sơn, Nguyễn Trọng Bình	LUC	75	81	80	632	12,7	7	3	30	8.000.000	40.000.000	9.450.000	2.400.000	59.850.000
190	Lương Thị Liên, Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Văn Cương, Nguyễn Văn Trường, Lương Thị Dẫn, Nguyễn Huy Linh, Nguyễn Huy Vĩnh, Nguyễn Thi Bính, Nguyễn Huy Hiển	LUC	75	59	220	220	100,0	14	12	30	22.000.000	110.000.000	75.600.000	6.600.000	214.200.000
191	Nguyễn Thị Hạ, Nguyễn Văn Đỗ, Nguyễn Văn Trọng, Nguyễn Văn Lượng, Nguyễn Thi Hiên, Nguyễn Thi Thu	LUC	75	127	100	268	37,3	9	6	30	10.000.000	50.000.000	24.300.000	3.000.000	87.300.000
192	Nguyễn Văn Sơn, Lê Thị Thanh, Nguyễn Văn Trường, Nguyễn Thi Hường	LUC	75	69	140	248	56,5	7	6	30	14.000.000	70.000.000	18.900.000	4.200.000	107.100.000
193	Nguyễn Danh Thai, Lương Thị Châm, Nguyễn Thị Quỳnh, Nguyễn Danh Thao	LUC	75	150	120	120	100,0	6	12	30	12.000.000	60.000.000	32.400.000	3.600.000	108.000.000
194	Nguyễn Văn Thảo, Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Thi Phương	LUC	75	33	140	238	58,8	4	6	30	14.000.000	70.000.000	10.800.000	4.200.000	99.000.000
195	Nguyễn Xuân Tài, Nguyễn Thị Gái, Nguyễn Thị Hằng, Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Thị Ngọc	LUC	75	65	100	100	100,0	5	12	30	10.000.000	50.000.000	27.000.000	3.000.000	90.000.000
196	Lê Thị Hồng, Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Xuân Hưng, Nguyễn Thi Lan	LUC	75	21 + 57	300	300	100,0	8	12	30	30.000.000	150.000.000	43.200.000	9.000.000	232.200.000
197	Trần Thị Ân, Lương Quang Vũ, Lương Anh Trụ, Lương Quang Long	LUC	75	122	108	168	64,3	5	6	30	10.800.000	54.000.000	13.500.000	3.240.000	81.540.000
198	Ứng Văn Chiểu, Lương Thị Hương, Ứng Văn Dương, Ứng Thi Diu	LUC	75	48	100	348	28,7	4	3	30	10.000.000	50.000.000	5.400.000	3.000.000	68.400.000
199	Ứng Văn Đấu, Lê Thị Thanh, Ứng Văn Quyền, Ứng Thị Lợi, Ứng Thi Yến	LUC	75	23	120	120	100,0	8	12	30	12.000.000	60.000.000	43.200.000	3.600.000	118.800.000
200	Lê Duy Chính, Lê Duy Tùng, Lê Duy Tiến	LUC	31	42	1019	1396	73,0	3	12	30	101.900.000	509.500.000	16.200.000	30.570.000	658.170.000
201	Đặng Thị Nhàn, Lương Thị Nguyệt, Lương Thi Nga	LUC	75	46	60	60	100,0	5	12	30	6.000.000	30.000.000	27.000.000	1.800.000	64.800.000
202	Nguyễn Huy Cương, Nguyễn Thị Tuyết, Nguyễn Huy Giang, Nguyễn Huy Thắng, Nguyễn Thi Thảo	LUC	76	38	181	181	100,0	7	12	30	18.100.000	90.500.000	37.800.000	5.430.000	151.830.000
203	Nguyễn Đình Hiền, Bùi Thị Vân, Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Thi Hạnh	LUC	75	188	150	150	100,0	4	12	30	15.000.000	75.000.000	21.600.000	4.500.000	116.100.000
204	Nguyễn Thị Thủy, Nguyễn Thị Ngân, Nguyễn Thi Nga	LUC	76	15	318	459	69,3	3	6	30	31.800.000	159.000.000	8.100.000	9.540.000	208.440.000

205	Lê Trọng Phú, Lương Thị Tươi, Lê Thị Thu, Lê Trọng Kiên	LUC	76	27	282	818	34,5	7	6	30	28.200.000	141.000.000	18.900.000	8.460.000	196.560.000
206	Nguyễn Xuân Thanh, Nguyễn Thi Vui, Nguyễn Kim Anh	LUC	75	520	91	91	100,0	4	12	30	9.100.000	45.500.000	21.600.000	2.730.000	78.930.000
207	Lê Huy Tân	LUC	75	518	90	344	26,2	1	3	30	9.000.000	45.000.000	1.350.000	2.700.000	58.050.000
208	Nguyễn Huy Thệ, Lương Thị Hạnh, Nguyễn Huy Nga, Nguyễn Thi Thanh	LUC	75	519	80	680	11,8	6	3	30	8.000.000	40.000.000	8.100.000	2.400.000	58.500.000
209	Nguyễn Văn Đạt, Lương Thị Hằng	LUC	75	111	120	120	100,0	4	12	30	12.000.000	60.000.000	21.600.000	3.600.000	97.200.000
210	Lương Thị Miện, Nguyễn Danh Lanh, Nguyễn Danh Thao, Nguyễn Thi Thủy	LUC	75	49	100	532	18,8	7	3	30	10.000.000	50.000.000	9.450.000	3.000.000	72.450.000